

Tài chính - tiền tệ có mối quan hệ mật thiết với nhau trong nền kinh tế, cũng như trong việc hình thành và phát triển thị trường vốn ở VN, được thể hiện trong việc phối hợp và điều hành chính sách tài chính và chính sách tiền tệ trong tổng thể thống nhất hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước. Chính sách tài chính và chính sách tiền tệ có mục tiêu cụ thể, trực tiếp khác nhau, nhưng đều có mục tiêu chung là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy các luồng luân chuyển vốn trong xã hội và đầu tư vốn có hiệu quả, kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng cường tiềm lực dự trữ quốc gia. Mỗi chính sách có công cụ điều hành khác nhau. Đối với chính sách tài chính, đó là ngân sách nhà nước, thuế, tài chính doanh nghiệp, tổ chức trung gian tài chính, tài chính hộ gia đình... Đối với chính sách tiền tệ, các công cụ điều hành bao gồm: Dự trữ bắt buộc, lãi suất tỷ giá và quản lý ngoại hối, nghiệp vụ thị trường mở... đồng thời có những tác động chung đó là cổ phiếu, trái phiếu, cổ phần hóa, đổi mới DNNN và vận hành thị trường vốn. Nền nội dung phối hợp chính là việc điều hành các công cụ đó: tập trung vào các lĩnh vực: cung ứng tiền và xử lý cân đối ngân sách nhà nước, quản lý dự trữ ngoại hối quốc gia, cho vay ưu đãi, phát hành tín phiếu NHNN, trái phiếu KBNN... Do đó có thể nói nội dung phối hợp giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ rất rộng, song song thời gian qua và hiện nay đang nổi lên một số điểm đáng quan tâm sau đây:

1. Vốn cho kho bạc nhà nước trong xử lý cân đối ngân sách

Kết thúc năm 1999, NHNN đã tổ chức được 46 phiên đấu thầu trái phiếu kho bạc nhà nước. Tổng khối lượng trái phiếu đưa ra đấu thầu là trên 4.300 tỷ đồng, tổng khối lượng trái phiếu trúng thầu đã phát hành



TÀI CHÍNH TIỀN TỆ TRONG SỰ PHỐI HỢP ĐIỀU HÀNH THúc ĐẨY HÌNH THÀNH THỊ TRƯỜNG VỐN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TS. NGUYỄN ĐỨC HƯNG

gần 3.023,6 tỷ đồng, chỉ bằng dưới 70% so với số lượng trúng thầu hơn 4.020,7 tỷ đồng của năm trước. Hoạt động thị trường đấu thầu trái phiếu kho bạc nhà nước năm 1999 được coi là có hiệu quả không cao, nhiều phiên không có kết quả trúng thầu, hoặc trúng thầu rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu do Bộ tài chính chỉ đạo lãi suất đấu thầu quá thấp. Sang năm 2000, tính đến ngày 8.5.2000, NHNN đã tổ chức được 11 phiên đấu thầu tín phiếu KBNN, với tổng khối lượng đưa ra đã đấu thầu là 2000 tỷ đồng với thời hạn dưới 1 năm: 364 ngày, bình quân mỗi phiên 200 tỷ đồng, có phiên tới 300 tỷ đồng; tổng khối lượng tín phiếu trúng thầu là 1.732 tỷ đồng, lãi suất trúng thầu giảm từ 6%/năm (phiên thứ nhất, ngày 17.1.2000) xuống còn 5,58%/năm (phiên thứ 11, ngày 8.5.2000).

Ngoài ra, ngày 25.4.2000 vừa qua, NHNN đưa ra đấu thầu tín phiếu NHNN đợt 1, với tổng số tiền đăng ký lên tới 2.415 tỷ đồng, kết quả có 1000 tỷ đồng tín phiếu NHNN trúng thầu, với lãi suất 4,65%/năm. Điều đó cho thấy tiềm ẩn về thị trường vốn là rất lớn.

Một vấn đề lớn khác cần được quan tâm là việc điều hành vốn trong hệ thống KBNN cần được tính toán lại sao cho chặt chẽ hơn, sát thực tế

là, trong điều hành vốn của toàn bộ hệ thống KBNN khó mà đảm bảo được sự chính xác tuyệt đối theo mong muốn. Nhưng trong điều kiện hệ thống KBNN đã thực hiện nổi mạng vi tính trong toàn quốc, kỹ thuật tin học hiện đại đã được ứng dụng trong điều hành hoạt động của hệ thống KBNN, thanh khoản hay "vốn khả dụng" trong hệ thống KBNN khác so với vốn khả dụng cũng như quan hệ tiền gửi của hệ thống các NHTM, nên không cần thiết phải để một tỷ lệ vốn tồn đọng lớn để đảm bảo khả năng thanh toán. Về mặt hạch toán và đứng trên góc độ tiết kiệm cho chi tiêu ngân sách nhà nước thì với khối lượng trái phiếu KBNN các NHTM trúng thầu có lãi suất bình quân là 6%/năm, so với số dư tiền gửi của các đơn vị KBNN tại các chi nhánh NHTM ước tính bình quân cũng là 1000 tỷ đồng, lãi suất 2%/năm, thì mỗi năm ngân sách nhà nước cũng thiệt hại tới 45 tỷ đồng. Nếu như chúng ta điều hành tốt nguồn vốn trong hệ thống KBNN, giảm số dư tiền gửi xuống còn 50% so với số dư ước tính hiện tại hay giảm xuống còn bình quân 100 tỷ đồng thì mỗi năm cũng tiết kiệm được từ 40-42 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước. Đó là chưa kể việc hạch toán và sử dụng số lãi của các đơn vị KBNN thu được

và phù hợp với các quy định về quản lý. Trong khi KBNN phải thường xuyên phát hành trái phiếu cho các nhu cầu chi của ngân sách nhà nước với lãi suất khá cao, có số dư 8.000 - 10.000 tỷ đồng, trong đó từ các ngân hàng thương mại chiếm tỷ trọng khá, thì KBNN các cấp lại luôn có số dư hàng trăm tỷ đồng tại các chi nhánh NHTM, với số dư thường xuyên cũng lên tới cả trăm tỷ đồng theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của các tổ chức kinh tế là 0,15%/tháng chỉ bằng 10% - 30% so với lãi suất KBNN huy động vốn qua việc các NHTM mua trái phiếu. Tất nhiên

từ lãi suất tiền gửi tại các chi nhánh NHTM, hoặc có thể có những khoản chi tiếp thị, khuyến mại của chi nhánh NHTM nhằm thu hút được tiền gửi lãi suất thấp từ KBNN. Một chi nhánh NHNO và PTNT huyện K, tỉnh H (vùng đồng bằng sông Hồng) trong 6 tháng đầu năm 1999 bình quân có số dư tiền gửi của KBNN huyện tới 16 tỷ đồng; sau đó có những dư luận khác nhau ở địa phương, có việc kiểm tra của cơ quan chức năng, thì số dư tiền gửi KBNN tại chi nhánh NHNO và PTNT huyện giảm xống bình quân xuống chỉ còn 3 tỷ đồng! Đề xuất của chúng tôi về giải pháp cho vấn đề này cũng nằm trong nội dung đã được đề cập phân tích ở trên.

Năm 1999 và 5 tháng đầu năm 2000 có những cải thiện nhất định về cấp vốn cho xây dựng cơ bản, nên tình trạng thiếu vốn cho thanh toán quyết toán các công trình đó giảm hẳn, thậm chí ngân sách nhà nước có thể tạm ứng trước 30-40% vốn xây dựng cơ bản cho các công trình nếu đảm bảo theo các yêu cầu và các qui định. Song tình trạng bên A nợ vốn thanh toán cho bên B, ngân sách nhà nước các cấp nợ vốn thanh toán cho đơn vị thi công các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu nhưng còn thiếu các thủ tục cần thiết, dẫn tới đơn vị thi công phải vay vốn NHTM cho hoạt động của mình. Cuối cùng sau này ngân sách phải thanh toán và đương nhiên số lãi vay ngân hàng phải lại đưa vào quyết toán theo qui định cụ thể để ngân sách thanh toán. Số vốn này nếu thống kê và tổng hợp đầy đủ trong toàn quốc cũng dễ lên tới hàng nghìn tỷ đồng.

2. Lãi suất ưu đãi và việc cấp bù của NSNN Trung ương

Về lãi suất cho vay, hiện nay ngoài lãi suất cho vay bình thường của các NHTM, theo trần lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc NHNN quy định thì có khá nhiều lãi suất cho vay ưu đãi:

- Lãi suất cho vay ưu đãi người nghèo, do ngân hàng phục vụ người nghèo quản lý thực hiện, hệ thống NHNO và PTNT Việt Nam làm đại lý giải ngân.

- Lãi suất cho vay đồng bào ở vùng núi cao, vùng biên giới, hải đảo, đồng bào Khơme... giảm 30%; lãi suất cho vay ở khu vực 2 vùng miền núi giảm 15% so với trần lãi suất cho vay tối đa, do hệ thống NHTO và PTNT thực hiện.

Hai loại lãi suất trên có một phần nguồn vốn từ NSNN, và bù phần chênh lệch lãi suất từ NSNN. Song suy cho cùng đều do NHNO và PTNT Việt Nam thực hiện. Nên rõ ràng là vấn đề hạch toán, quyết toán để ngân sách cấp bù lãi suất giảm

30%, và giảm 15%, hạch toán phí dịch vụ giải ngân cho vay người nghèo là cả một vấn đề nan giải, khó mà rõ ràng và chính xác được, cuối cùng là NSNN phải chịu.

Ngoài ra, một phần tín dụng đầu tư của nhà nước với lãi suất cho vay ưu đãi do Ngân hàng đầu tư - phát triển thực hiện, tín dụng ưu đãi do Cục đầu tư và Quỹ hỗ trợ đầu tư thực hiện. Tín dụng ưu đãi lãi suất cho vay thu mua lương thực do Ngân hàng ngoại thương VN, Ngân hàng công thương và NHNO&PTNT Việt Nam thực hiện. Quỹ tín dụng đào tạo, cho sinh viên vay vốn học tập với điều kiện ưu đãi do Ngân hàng công thương VN thực hiện. Cho vay ưu đãi khắc phục hậu quả cơn bão số 5, cho vay tôn nền nhà và làm nhà trên cọc do NHNO&PTNT thực hiện. Ngân hàng phát triển nhà DBSCL cho vay vốn ưu đãi làm nhà ở DBSCL. Quỹ tín dụng TW được để lại phần lợi tức, lãi của số vốn góp của Ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo. Các NHTM cho vay 500 tỷ đồng với lãi suất 0,3%-0,4%/tháng (bằng nửa lãi suất cho vay bình thường) đối với 9 tỉnh, thành phố bị lũ lụt ở khu vực miền Trung cuối năm 1999... Tóm lại, Ngân hàng ĐT-PT và Cục đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển, một số ngân hàng khác... cùng thực hiện tín dụng ưu đãi. Ở các ngân hàng thương mại quốc doanh vừa hoạt động tín dụng bình thường vừa có khoản bao cấp từ ngân sách nhà nước... nên việc quản lý tài chính để tăng nguồn thu và giảm phần chi của ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực này có rất nhiều vấn đề cần được bàn (không cho phép phân tích chi tiết ở đây). Trong khi đó, đến cuối tháng 11.1999 mới có Nghị định 166/1999/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Việc triển khai cho vay vốn khác phục lũ lụt cuối năm 1999 ở miền Trung thì vướng mắc khâu xác nhận của UBND xã, phường. Giải pháp đề xuất của chúng tôi là sớm thành lập ngân hàng chính sách, tập trung các loại nguồn vốn tín dụng ưu đãi vào ngân hàng này để đảm bảo quản lý tài chính được chặt chẽ và thuận lợi.

Trong thời gian qua, nhất là năm 1999 và đầu năm 2000, nổi lên một số doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh khó khăn, như Công ty Phân đạm Hà Bắc, Công ty gang thép Thái Nguyên, Công ty dệt Nam Định, dự trữ đường, dự trữ xi măng, thu mua lúa gạo. Chính phủ có quyết định sử dụng các biện pháp tài chính và tiền tệ để xử lý như: khoan nợ, giãn nợ, miễn lãi suất... hay cấp bổ sung vốn, miễn giảm thuế... chúng tôi cho rằng mặc dù có các biện pháp tình thế đó nhưng doanh nghiệp vẫn không hoạt

động khá lên được, ngân sách nhà nước kéo dài sự bao cấp cho hoạt động kém hiệu quả của doanh nghiệp cuối cùng vẫn là nguồn vốn ngân sách nhà nước phải bỏ vào đó; kể cả cấp bù lãi suất cho ngân hàng. Song vấn đề quan trọng hơn là nếu như cứ kéo dài tình trạng vừa tài trợ vốn, vừa cho vay ưu đãi, vừa khoan nợ và giãn nợ, vừa cấp thêm vốn cho doanh nghiệp... thì thử hỏi là cân đối ngân sách nhà nước sẽ ra sao, có tăng thu được để đáp ứng yêu cầu chi hay không, trong khi đó thường xuyên phải phát hành tín phiếu KBNN, phát hành trái phiếu KBNN ra công chúng? Bên cạnh đó, chính sách thuế và chính sách lãi suất nói riêng, chính sách tài chính và chính sách tiền tệ nói chung luôn được thiết kế với tư tưởng tổng thể ban đầu, có tính đến các mối quan hệ chung theo các cơ sở khoa học, các nguyên lý và chiến lược được đề cập, nhưng lại bị làm biến dạng, sai lệch tính trung lập phổ biến, công bằng, bình đẳng đối với tất cả các đối tượng chấp hành thuế, đối tượng vay vốn... Bởi vì có quá nhiều văn bản, cuộc họp, giải pháp xử lý cá biệt, bị động, điều chỉnh chấp v.v... đây cũng là một kẻ hở của tình trạng xin cho, tình trạng tham nhũng, thất thoát. Những dạng ban đầu của thị trường vốn bị méo mó.

3. Thực hiện giải pháp tài chính tiền tệ cho kích cầu

Kích cầu là một giải pháp lớn trong năm 1999, tiếp tục được thực hiện trong những tháng đầu năm 2000, mà chính sách tài chính, chính sách tiền tệ được bàn đến, đưa ra nhiều nhất. Ngoài các biện pháp như nêu trên: giảm thuế, cấp vốn, tài trợ, ưu đãi lãi suất... thì có biện pháp tăng cường đầu tư cho các dự án nhà nước bằng nguồn vốn tín dụng ngân hàng, có xu hướng mở rộng nhưng có khá nhiều vấn đề cần bàn. Xin được đề cập đến một vài vấn đề lớn.

Chính phủ giao Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trong tháng 7.1999 phải trình kế hoạch kiến cơ hóa kênh mương, nhưng đến ngày 25.9.1999, Bộ nông nghiệp và PTNT mới có thông tư hướng dẫn. Nhưng giữa thông tư hướng dẫn của Bộ nông nghiệp và PTNT với thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính có điểm khác nhau như mức về hỗ trợ của ngân sách, Bộ nông nghiệp và PTNN đưa ra mức tối thiểu 40%, còn Bộ tài chính thì hướng dẫn là do dân góp là chính, hoặc thời hạn vay Bộ nông nghiệp và PTNT hướng dẫn 8 - 10 năm, còn Bộ tài chính qui định 3 năm. Một thí dụ khác: đề án nâng cấp mặt đường giao thông nông thôn, Bộ giao thông vận tải mới hoàn thành đề án này trong tháng 10.1999, còn chính phủ giao phải làm

xong trong tháng 8.1999. Chương trình kiên cố hóa kênh mương cần 4.500 tỷ đồng để kiên cố 10.000km kênh mương liên huyện, liên xã; cần 7.000 - 8.000 tỷ đồng để kiên cố kênh mương liên thôn, nội đồng và hơn 40.000 tỷ đồng cho nâng cấp đường giao thông nông thôn. Nhưng ai là chủ đầu tư, ngân sách hỗ trợ bằng xi măng, thép, than hay một phần bằng tiền? Dân đóng góp cụ thể thế nào? Tất cả đều nằm trong kế hoạch thiếu cụ thể.

Hoặc chính phủ có Quyết định số 118/TTg ngày 4.5.1999 về cho vay bằng ngoại tệ đối với một số dự án trọng điểm; trong đó có dựa trên cơ sở công văn đề nghị số 1673 TC/TCĐN ngày 12.4.1999 của Bộ tài chính; cho phép các NHTM quốc doanh sử dụng 400 triệu USD, từ nguồn huy động bằng ngoại tệ để cho vay trung dài hạn đối với một số dự án trọng điểm của nhà nước năm 1999. Nhưng sau khi các NHTM cùng Bộ kế hoạch và đầu tư ráp được dự án, phân chia đầu tư (độc lập hoặc hợp vốn) thì còn phải hoàn tất thủ tục thẩm định bảo đảm hiệu quả và Bộ tài chính xem xét việc bảo lãnh. Do đó cần phải khẩn trương tháo gỡ thủ tục thẩm định của ngân hàng, của một số bộ có liên quan và thủ tục bảo lãnh của Bộ tài chính cho các dự án trọng điểm vay theo quyết định này.

Bộ tài chính nghiên cứu cụ thể hóa phương thức hỗ trợ vốn ngân sách (tiền, vật tư) và làm rõ phương thức dân đóng góp để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và nâng cấp mặt đường giao thông nông thôn. Có cơ chế để NHTM cho ngân sách nhà nước vay nhằm hỗ trợ đầu tư cho chương trình và cơ chế cho dân vay góp vốn dưới hình thức UBND xã, ban quản lý chương trình vay.

Bộ tài chính cũng cần xem xét sớm ban hành cụ thể cơ chế cho vay hỗ trợ mua cổ phiếu các DNNN cổ phần hóa để các NHTM có thêm một lĩnh vực để cho vay. Đồng thời nghiên cứu để duy trì việc cho vay góp vốn liên doanh, cho vay mua bảo hiểm hàng hóa, cho vay để nộp thuế, nếu không thì phần của các NHTM chẳng những bị bó hẹp mà các ngân hàng còn bị đứng ngoài cuộc, mất dần thị trường cho phía nước ngoài.

NHNN đã ban hành văn bản, chính thức có cơ chế cho vay nhu cầu tiêu dùng đối với công nhân, viên chức được trả dần từ tiền lương bằng cam kết của họ và xác nhận của cơ quan quản lý. Nhu cầu của hàng triệu giáo viên, cán bộ cơ quan người về hưu vay mua sắm đồ dùng, xe máy sửa chữa nhà ở là rất lớn đã được tháo gỡ. Đây là hướng kích cầu có nhiều tiềm năng, các NHTM cần đẩy mạnh, góp

phần tăng tốc độ lưu chuyển vốn trong xã hội.

4. Chính sách thuế đối với kinh doanh ngoại tệ

Hiện nay, kinh doanh ngoại tệ trở thành nghiệp vụ quan trọng đứng hàng thứ 2 sau hoạt động tín dụng của các NHTM. Song trong các xác định kết quả kinh doanh ngoại tệ, do tính giá vốn theo trị giá mua cao nhất, nên trong kỳ có khả năng thường xuyên bị lỗ. Tuy nhiên kết quả lỗ này không phản ánh đúng thực chất kết quả kinh doanh ngoại tệ của các ngân hàng. Và điều bất hợp lý nữa là lỗ vẫn phải nộp thuế giá trị gia tăng. Thực tế các NHTM đã không tính giá vốn theo tỷ giá mua cao nhất của ngân hàng mà tính theo tỷ giá mua bình quân để có số chênh lệch giá trị gia tăng theo qui định của Bộ tài chính. Bên cạnh đó, do có tới 4 - 5 lần điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay trong năm 1999, khoảng cách các lần điều chỉnh quá ngắn, vốn huy động vào với lãi suất cao chưa kịp cho vay ra đã phải cho vay theo lãi suất giảm dần tới bị thua lỗ. Thêm nữa, hoạt động khó khăn vốn bị đọng nhiều, có ngân hàng tỷ lệ sử dụng vốn chỉ đạt 50 - 55% nguồn vốn, lại thêm một yếu tố nữa dẫn tới bị thua lỗ. Thua lỗ kéo dài bị suy yếu hệ thống ngân hàng, không có nguồn để nộp thuế, nộp NSNN. Nhưng một vấn đề quan trọng khác là cổ tức vốn góp cổ phần trong các NHTM cổ phần và công ty tài chính cổ phần rất thấp hoặc không có cổ tức, chưa nói còn bị mất vốn. Do đó, làm nản lòng các cổ đông góp vốn, tác động ngược lại tiến trình cổ phần hóa của VN.

5. NSNN địa phương chi trả nợ vốn vay và lãi vay ngân hàng

Ngoài việc NSNN trung ương phải bỏ tiền ra để bù lãi suất, khoản nợ, cấp vốn...theo các quyết định của chính phủ, thì NSNN cấp tỉnh, thành phố cũng đang và sẽ chi lớn cho các khoản vay vốn ngân hàng.

Công ty xi măng tỉnh Tuyên Quang hết thời gian gia hạn nợ, nhưng vẫn không trả được nợ ngân hàng, tỉnh quyết định dùng vốn ngân sách địa phương trả nợ thay cho công ty này 7,0 tỷ đồng vốn vay ngân hàng.

Trong dịp công tác ở một tỉnh miền núi phía bắc, chúng tôi được biết, cán đối ngân sách của tỉnh thu không đủ chi, ngân sách trung ương phải hỗ trợ rất lớn, thì mà có tới 28 tỷ đồng chuyển sang cho ngân hàng để thực hiện đầu tư cho một số chương trình của địa phương.

Tỉnh Yên Bái quyết định yêu cầu ngân hàng phục vụ người nghèo sử dụng 3 tỷ đồng vốn của mình để cho vay theo chương trình cá phê của tỉnh (sai qui định của Bộ tài chính và

NHNN), đến nay đã khắc phục. Tỉnh Sơn La và tỉnh Quảng Trị cũng quyết định dùng vốn ngân sách địa phương để cấp bù lãi suất vay vốn ngân hàng cho trồng cà phê. Thành phố Hà Nội cũng dành khoảng 10 tỷ đồng vốn ngân sách thành phố để cấp bù lãi suất vay vốn ngân hàng cho một số chương trình của thành phố. Tình trạng sử dụng vốn ngân sách để trả nợ ngân hàng thay doanh nghiệp, cấp bù lãi suất vay vốn ngân hàng cho một số chương trình kinh tế địa phương, xảy ra phổ biến ở nhiều tỉnh, thành phố khác.

Cuối tháng 11.1999 vừa qua, UBND TP.HCM có quyết định đầu tư 119 dự án thuộc chương trình kích cầu của địa phương, với tổng số vốn là 4.042,563 tỷ đồng, trong đó vốn vay tín dụng của NHTM là 3.251,657 tỷ đồng. Trong số đó UBND thành phố quyết định, 38 dự án đầu tư nâng cấp trường học và 13 dự án thuộc ngành y tế thì sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ toàn bộ lãi suất. Lĩnh vực hạ tầng cơ sở có 34 dự án với số vốn 629,985 tỷ đồng, được sử dụng toàn bộ nguồn vốn ngân sách để trả nợ gốc và lãi. Còn một số dự án khác cũng được ngân sách hỗ trợ một phần lãi suất. Trong năm tháng đầu năm 2000 chương trình này vẫn đang được đốc thúc, thu hút nhiều NHTM quan tâm, cho vay. Như vậy sẽ có khoảng 1.000 tỷ đồng vốn ngân sách được bỏ ra để trả nợ vay và trả lãi vốn vay cho các ngân hàng.

Ở đây chúng tôi không bàn đến hiệu quả kinh tế - xã hội của các quyết định của UBND các tỉnh, thành phố, không bàn đến có đúng Luật ngân sách hay không, đúng sự phân cấp giữa NSNN TW và địa phương hay không...Song rõ ràng là giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ thì không còn tính chất tổng thể, thống nhất, đã bị cắt khúc, phá vỡ tính cân đối và tính hệ thống, tăng thêm tính chất bao cấp...Thử hỏi các dự án của TP.HCM nếu như sau này thành phố và các dự án đó không có nguồn để trả nợ ngân hàng thì sẽ ra sao? Chính phủ có cho phép giãn nợ rồi khoan nợ và rồi xóa nợ hay không? Do đó cũng cần điều tra, tổng hợp và tổng kết đánh giá và dự báo để có sự quản lý thống nhất, có hiệu quả nguồn thu, nguồn chi của ngân sách nhà nước.

Để thúc đẩy sự ra đời và phát triển thị trường vốn, trực tiếp là thị trường chứng khoán, thì cần tổng kết, rút kinh nghiệm việc điều hành phối hợp giữ chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, giảm hẳn những biện pháp xử lý hành chính, can thiệp theo kiểu bao cấp, gắn liền với đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại DNNN theo hướng cổ phần hóa ■